

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652006 - Auto CAD căn bản
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Bảo	Nhật	3544010110	24/05/1992	,00		,00	CT
2	Trần Văn	Ngoan	3551010314	10/06/1991	6,10		6,10	
3	Nguyễn Chí	Tâm	3554010002	17/10/1993	,00		,00	CT
4	Tạ Công	Khôi	3554010003	04/05/1993	8,00		8,00	
5	Nguyễn Đình	Phúc	3554010026	20/01/1993	4,90		4,90	
6	Lê Duy	Hoàng	3554010029	06/01/1993	,00		,00	CT
7	Nguyễn Tiến	Thịnh	3554010033	20/05/1993	6,70		6,70	
8	Nguyễn Quốc	Tuyên	3554010043	17/07/1993	4,70		4,70	
9	Lưu Gia	Sâm	3554010044	16/05/1992	6,30		6,30	
10	Nguyễn Văn	Nghĩa	3554010055	10/01/1993	6,60		6,60	
11	Phan Văn	Chính	3554010058	27/08/1993	6,30		6,30	
12	Trần Quốc	Toàn	3554010063	04/04/1993	,00		,00	CT
13	Nguyễn Minh	Châu	3554010068	02/11/1993	7,70		7,70	
14	Phạm Cảnh	Chương	3554010073	05/09/1993	7,90		7,90	
15	Trần Công	Hậu	3554010104	26/03/1993	3,60		3,60	
16	Nguyễn Minh	Tinh	3554010108	10/02/1993	4,90		4,90	
17	Trương Công	Bình	3554010117	02/05/1993	,00		,00	CT
18	Lê Thanh	Lợi	3554010121	02/02/1993	4,70		4,70	
19	Nguyễn Văn	Ty	3554010125	13/11/1991	5,70		5,70	
20	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3554010131	05/08/1993	5,40		5,40	
21	Nguyễn Đức	Vinh	3554010132	02/06/1993	2,90		2,90	
22	Phan Minh	Thành	3554010137	28/09/1993	7,30		7,30	
23	Trần Trí	Minh	3554010144	25/12/1993	5,30		5,30	
24	Lý Vinh	Hùng	3554010171	14/05/1993	,00		,00	CT
25	Dương Thái	Dương	3554010175	10/06/1992	6,90		6,90	
26	Nguyễn Hữu	Tân	3554010197	25/05/1993	2,60		2,60	
27	Nguyễn Minh	Đức	3554010207	10/03/1993	4,00		4,00	
28	Hồ Nghĩa	Thái	3554010209	23/12/1993	7,00		7,00	
29	Phan Đình	Tao	3554010230	12/09/1993	4,30		4,30	
30	Ngô Viết	Khoa	3554010233	30/04/1993	4,40		4,40	
31	Huỳnh Trọng	Tân	3554010240	07/04/1993	6,70		6,70	
32	Lê Văn	Chức	3554010244	04/09/1993	,00		,00	CT
33	Lê Mỹ	Truyện	3554010249	22/07/1992	4,60		4,60	
34	Nguyễn Vinh	Nguyên	3554010255	21/11/1993	,00		,00	CT
35	Võ Hồng	Tiến	3554010259	22/03/1993	,00		,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Tiến	Thuận	3554010276	24/11/1993	6,70		6,70	
37	Trần Minh	Bình	3554010278	31/08/1993	5,90		5,90	
38	Duy Văn	Vũ	3554010279	15/09/1992	,00		,00	CT
39	Đặng Hữu	Quang	3554010284	08/04/1992	5,30		5,30	
40	Nguyễn Văn	Boan	3554010286	27/02/1993	,00		,00	CT
41	Nguyễn Tấn	Hòa	3554010290	24/06/1992	5,10		5,10	
42	Đặng Tuấn	Anh	3554010300	24/11/1992	4,60		4,60	
43	Nguyễn Xuân	Ái	3554010302	03/02/1993	5,00		5,00	
44	Đặng Văn	Linh	3554010305	20/11/1993	4,90		4,90	
45	Châu Tuấn	Nghĩa	3554010310	25/11/1993	6,00		6,00	
46	Phan Văn	Quân	3554010331	14/08/1993	4,00		4,00	
47	Vũ Duy	Tuấn	3554010332	06/04/1993	,00		,00	CT
48	Nguyễn Văn Hoài	Trung	3554010338	19/03/1992	,00		,00	CT
49	Đinh Mạnh	Khang	3554010340	04/01/1993	,00		,00	CT
50	Trần Phạm Biên	Hòa	3554010348	02/11/1983	5,00		5,00	
51	Ngô Tiến	Hào	3554010353	18/05/1993	,00		,00	CT
52	Đỗ Xuân	Thái	3554010365	26/03/1992	4,30		4,30	
53	Nguyễn Văn	Trung	3554010372	08/10/1992	,00		,00	CT
54	Tạ Thanh	Hải	3554010385	20/09/1993	,00		,00	CT
55	Nguyễn Phú	Vinh	3554010405	05/04/1991	4,40		4,40	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)